Phần thứ nhất:
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT:

1. Khái niệm:

Theo cách hiểu chung nhất về phổ biến, giáo dục pháp luật có hai nghĩa:

- Theo nghĩa hẹp: Phổ biến, giáo dục pháp luật là giới thiệu tinh thần văn bản pháp luật cho người có nhu cầu; theo đó phổ biến, giáo dục pháp luật là việc truyền bá pháp luật cho đối tượng nhằm nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật cho đối tượng từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của đối tượng.

- Theo nghĩa rộng: Phổ biến, giáo dục pháp luật là một khâu của hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật, là hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định thông qua các hình thức giáo dục, thuyết phục, nêu gương... nhằm mục đích hình thành ở đối tượng tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi xử sự phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành với các hình thức, phương tiện, phương pháp đặc thù.

Phổ biến, giáo dục pháp luật là quá trình hoạt động thường xuyên, liên tục và lâu dài của chủ thể tuyên truyền lên đối tượng, là cầu nối để chuyển tải pháp luật vào cuộc sống. Trong công tác quản lý nhà nước, phổ biến, giáo dục pháp luật được hiểu theo nghĩa rộng và được xác định là một công việc trọng tâm và thường xuyên của các cơ quan nhà nước, các cấp, các ngành.

2. Đặc điểm

2.1. Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Bản chất của hoạt động xây dựng pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân vì vậy thực hiện pháp luật là thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Phổ biến, giáo dục pháp luật tạo ra khả năng cho việc giáo dục chính trị, hình thành ở người dân những hiểu biết nhất định về chính trị đồng thời trong quá trình giáo dục chính trị, tư tưởng có sự đan xen những nội dung, quan điểm pháp lý nhất định.

Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp

hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã xác định rõ phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.2. Phổ biến, giáo dục pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật

Phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau bởi lẽ công tác xây dựng pháp luật là cơ sở cho việc hình thành, thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và ngược lại công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là cầu nối, là một phương tiện quan trọng để đưa pháp luật vào cuộc sống.

Phổ biến, giáo dục pháp luật có tác động tích cực đến việc tổ chức, thực hiện pháp luật trên cơ sở giúp người dân có hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

2.3. Phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm truyền đạt thông tin, nội dung pháp luật, giúp cho đối tượng tác động có hiểu biết nhất định về pháp luật, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của đối tượng thông qua các hình thức, phương tiện, biện pháp thích hợp.

II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, MỤC ĐÍCH CỦA PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Vị trí, vai trò của phổ biến, giáo dục pháp luật

Phổ biến, giáo dục pháp luật có vị trí, vai trò quan trọng, thể hiện rõ nét trên hai khía cạnh sau:

Thứ nhất, Phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Vai trò này bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. Một trong những vai trò cơ bản của pháp luật trong đời sống nhà nước, đời sống xã hội là: *pháp luật là cơ sở để thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước*. Một nguyên lý đã được khẳng định là nhà nước không thể tồn tại thiếu pháp luật và pháp luật không thể phát huy hiệu lực của mình nếu không có sức mạnh của bộ máy nhà nước. Thông qua quyền lực nhà nước, pháp luật mới có thể phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, phát huy vai trò quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Hệ thống pháp luật là "con đường", là cái "khung pháp lý" do Nhà nước vạch ra để mọi tổ chức, mọi công dân dựa vào đó mà tổ chức, hoạt động và phát triển. Phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần đem lại cho mọi người có trí thức pháp luật, xây dựng

tình cảm pháp luật đúng đắn và có hành vi hợp pháp, biết sử dụng pháp luật làm phương tiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Thứ hai, phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp luật, văn hoá pháp lý của mọi thành viên trong xã hội trong đó có học sinh, sinh viên. Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề củng cố, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang là một vấn đề cấp thiết. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện Nhà nước quản lý bằng pháp luật, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Để củng cố và tăng cường pháp chế đòi hỏi phải áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ trong đó có việc nâng cao trình độ văn hoá pháp lý, xây dựng ý thức pháp luật ở mỗi người dân. Chỉ khi nào trong xã hội mọi công dân đều có ý thức pháp luật, luôn tuân thủ pháp luật và có hành vi phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của hệ thống pháp luật, mới có thể thực hiện quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật và điều này chỉ có thể hình thành và thực hiện được trên cơ sở tiến hành giáo dục pháp luật.

2. Mục đích của phổ biến, giáo dục pháp luật

2.1. Hình thành, làm sâu sắc và từng bước mở rộng hệ thống tri thức pháp luật cho đối tượng.

Thông qua phổ biến, giáo dục pháp luật, người phổ biến, giáo dục được trang bị những tri thức cơ bản về pháp luật như giá trị của pháp luật, vai trò điều chỉnh của pháp luật, các chuẩn mực pháp luật trong từng lĩnh vực đời sống.

Hình thành tri thức pháp luật là nền móng cơ bản để xây dựng tình cảm pháp luật. Trên cơ sở kiến thức pháp luật được trang bị đã hình thành mở rộng và làm sâu sắc tri thức pháp luật, giúp người học am hiểu hơn về pháp luật và biết cách đánh giá một cách đúng đắn các hành vi pháp lý. Tri thức pháp luật góp phần định hướng cho lòng tin đúng đắn vào các giá trị của pháp luật, tạo cơ sở hình thành hành vi hợp pháp ở mỗi cá nhân.

Tri thức pháp luật giúp con người điều khiển, kiềm chế hành vi của mình trên cơ sở các chuẩn mực pháp lý, tri thức pháp luật đã nhận thức được.

Các hành vi phù hợp với pháp luật chỉ được hình thành trên cơ sở nhận thức đúng, có niềm tin và có tình cảm đúng đắn đối với pháp luật.

2.2. Hình thành, bồi dưỡng, phát triển niềm tin pháp luật cho đối tượng.

Niềm tin vào pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng hành vi. Lòng tin vững chắc vào pháp luật là cơ sở để hình thành động cơ của hành vi hợp pháp. Trong cuộc sống, có nhiều trường hợp những người có kiến thức pháp luật nhưng không có lòng tin vào pháp luật, sẵn sàng chà đạp lên pháp luật, lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trục lợi. Khi con người tin vào tính công bằng của những đòi hỏi của quy phạm pháp luật thì không cần một sự tác động bổ sung nào của Nhà nước để thực hiện những đòi hỏi đó. Có lòng tin vào tính công bằng của pháp luật, con người sẽ có hành vi phù hợp với các đòi hỏi của pháp luật một cách độc lập, tự nguyện.

Niềm tin pháp luật được xây dựng trên cơ sở:

+ Giáo dục tình cảm công bằng. Nói đến pháp luật là nói đến sự công bằng. Giáo dục tình cảm công bằng là giáo dục cho con người biết cách đánh giá các quy phạm pháp luật, biết cách xác định, đánh giá các tiêu chuẩn về tính công bằng của pháp luật để tự đánh giá hành vi của mình, biết quan hệ với người khác và với chính mình bằng các quy phạm pháp luật.

+ Giáo dục tình cảm trách nhiệm là giáo dục ý thức về nghĩa vụ pháp lý. Giáo dục tình cảm trách nhiệm nhằm hình thành ý thức tuân thủ pháp luật – một nguyên tắc xử sự của công dân trong mối quan hệ với nhau và với các cơ quan Nhà nước. Giáo dục tình cảm trách nhiệm làm cho người được giáo dục nhận thức được rằng mọi việc làm, mọi hành vi của mình phải dựa trên cơ sở pháp luật và trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

+ Giáo dục ý thức đấu tranh không khoan nhượng đối với những biểu hiện vi phạm pháp luật, chống đối pháp luật, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm.

2.3. Giáo dục ý thức nhân cách, rèn luyện thói quen, hành vi tuân thủ pháp luật cho đối tượng.

Phổ biến, giáo dục pháp luật là nhằm hình thành ý thức pháp luật trong mỗi công dân. Kết quả cuối cùng của phổ biến, giáo dục pháp luật phải được thể hiện ở hành vi xử sự phù hợp pháp luật của các công dân. Giáo dục tri thức pháp luật, bồi dưỡng niềm tin pháp luật là tiền đề để giáo dục ý thức nhân cách rèn luyện thói quen, hành vi tuân thủ pháp luật hình thành động cơ và hành vi tích cực pháp luật. Những hành vi hợp pháp của mỗi người thường biểu hiện qua các việc làm như:

+ Tuân thủ các quy phạm pháp luật. Kiềm chế không thực hiện các điều pháp luật cấm.

+ Thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ pháp lý của công dân.

+ Biết đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật; biết vận dụng pháp luật để bảo vệ lợi ích hợp pháp của cá nhân khi bị xâm phạm.

Mục đích cuối cùng của phổ biến, giáo dục pháp luật là nhằm hình thành ở mỗi thành viên xã hội ý thức pháp luật bền vững.

III. CÁC HÌNH THỨC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Tiêu chí lựa chọn hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật

1.1. Tính phù hợp giữa hình thức tuyên truyền với đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật

Hiểu biết và nhận thức của các đối tượng khác nhau trong xã hội là không giống nhau, do đó khi tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải xuất phát từ những yếu tố sau:

- Yêu cầu phổ biến của nội dung quy định pháp luật cần phổ biến đến đối tượng nhóm dân cư xác định;

- Trình độ văn hóa và nhận thức của đối tượng được phổ biến;

- Điều kiện kinh tế, địa lý và hoàn cảnh thực tế của đối tượng, địa bàn;

- Điều kiện năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật hiện có.

1.2. Tính khả thi của hình thức tuyên truyền với điều kiện của địa bàn thực hiện

Phổ biến, giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính thường xuyên, lâu dài, do đó khi tiến hành tuyên truyền phổ biến pháp luật cần phải tính đến tính khả thi trong điều kiện thực tế tại địa bàn thực hiện. Cụ thể là cần quan tâm đến những yếu tố sau:

- Hình thức tuyên truyền được lựa chọn có sử dụng được các phương tiện tuyên truyền (sách, báo, đài truyền thanh…), huy động sự tham gia của lực lượng thực hiện tuyên truyền (tuyên truyền viên pháp luật, báo cáo viên pháp luật, hòa giải viên…) hiện có của địa phương không?

- Hình thức tuyên truyền lựa chọn sẽ được thực hiện ở đâu? Bao nhiêu lần?

- Điều kiện địa lý kinh tế, trang thiết bị tại địa bàn để có thể sử dụng phục vụ cho hình thức tuyên truyền đã lựa chọn có thuận tiện không?

1.3. Tính hiệu quả của hình thức tuyên truyền

- Số lượng người được tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật? Sự tham gia của đối tượng cần tập trung tuyên truyền?

- Tác động của những nội dung pháp luật tuyên truyền đối với việc thực hiện pháp luật, thực hiện các chính sách của nhà nước tại địa bàn tuyên truyền.

- Mức độ tăng, giảm của việc khiếu nại, tố cáo của công dân? Mức độ, chất lượng của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân?

- Mức độ quan tâm của người dân tại địa bàn tuyên truyền đối với vấn đề pháp luật.

2. Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Qua tổng kết việc thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật các năm, các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của các cấp, các ngành trong cả nước cho thấy hiện nay có nhiều hình thức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật được vận dụng một cách sáng tạo, hiệu quả, trong đó nổi lên một số hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu sau:

- Phổ biến pháp luật thông qua tuyên truyền miệng (phổ biến giáo dục pháp luật trực tiếp);

- Phổ biến pháp luật thông qua biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật, tờ rơi, tờ gấp; Pa nô, áp phích...;

- Dạy và học pháp luật trong nhà trường;

- Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật;

- Phổ biến pháp luật thông qua tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ pháp luật;

- Phổ biến pháp luật thông qua việc xây dựng và khai thác tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn; tủ sách, ngăn sách pháp luật tại cơ quan, bệnh viện, trường học;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hóa, văn nghệ (đặc biệt là các loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống) và hình thức sân khấu;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các phiên tòa xét xử;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các trung tâm học tập cộng đồng;

- Phổ biến pháp luật thông qua tổ chức sinh hoạt 'Ngày pháp luật'…

- Phổ biến pháp luật thông qua môi trường mạng.

IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Về kiến thức pháp luật

Để làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, người cán bộ cần phải:

- Có kiến thức hiểu biết pháp luật nói chung, kiến thức xã hội rộng; hiểu biết về đối tượng tuyên truyền ; khi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần dự kiến trước được các tình huống, các câu hỏi người nghe đưa ra để chuẩn bị phương án trả lời thích hợp giúp cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đạt được hiệu quả, chất lượng tốt, đáp ứng được nhu cầu của người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Nắm vững những vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà các văn bản pháp luật điều chỉnh;

- Hiểu được ý nghĩa, bản chất pháp lý của vấn đề mà các văn bản điều chỉnh, sự cần thiết phải ban hành văn bản;

- Hiểu rõ đối tượng, phạm vi, nội dung điều chỉnh của văn bản;

- Hiểu rõ ý nghĩa của các quy phạm, tác dụng điều chỉnh của từng quy phạm, các chế tài…

2. Về kỹ năng

- Kỹ năng tìm hiểu: nắm vững đối tượng bằng cách trao đổi trực tiếp hoặc dùng phiếu thăm dò;

- Kỹ năng lắng nghe: chú ý lắng nghe, không ngắt lời, tỏ thái độ quan tâm đến những vấn đề người được tuyên truyền trao đổi; tránh nói nhiều hoặc tỏ thái độ thờ ơ; khuyến khích người nghe phát biểu ý kiến;

- Kỹ năng quan sát: sử dụng các giác quan như mắt nhìn, tai nghe hoặc quan sát một cách kín đáo…

- Kỹ năng truyền đạt: sử dụng ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, phù hợp, kết hợp, nêu các ví dụ cụ thể, gần gũi…

- Kỹ năng động viên : dùng lời nói, ánh mắt để động viên; thông cảm với người được truyền thông; động viên, thu hút những người rụt rè tham gia…

3. Các yêu cầu khác:

- Có sự nhiệt tình, tâm huyết, tận tụy;

- Có khả năng nói và viết;

- Có khả năng hòa đồng và giao tiếp;

- Có kiến thức nhất định về tâm lý học tuyên truyền;

- Có hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện xã hội của mỗi địa bàn dân tộc, mỗi vùng miền nhất định

V. KỸ NĂNG TUYÊN TRUYỀN MIỆNG

1. Khái niệm, vị trí, vai trò của tuyên truyền miệng trong các hình thức tuyên truyền pháp luật

Tuyên truyền miệng là một hình thức tuyên truyền mà người nói trực tiếp nói với người nghe về một nội dung nào đó nhằm nâng cao nhận thức, niềm tin, ý thức cho người nghe và kích thích người nghe hành động theo mục đích của người tuyên truyền.

Như vậy, tuyên truyền miệng về pháp luật là một hình thức tuyên truyền mà người nói trực tiếp nói với người nghe về lĩnh vực pháp luật trong đó chủ yếu là các văn bản pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật, niềm tin vào pháp luật và ý thức pháp luật cho người nghe; kích thích người nghe hành động theo các chuẩn mực pháp luật.

Tuyên truyền miệng gắn bó chặt chẽ với nhiều hình thức tuyên truyền khác và là bộ phận không thể thiếu, không thể tách rời trong tổng thể các hình thức tuyên truyền pháp luật.

Mối quan hệ đó, gắn bó như là hai mặt một vấn đề hoặc là sự lồng ghép một cách hữu cơ tuyên truyền miệng với các hình thức tuyên truyền khác. Điều đó được thể hiện trên các mặt sau:

- Tuyên truyền miệng là một công đoạn không thể thiếu trong phần lớn các hình thức tuyên truyền pháp luật.

- Tuyên truyền miệng về pháp luật là hình thức chủ yếu thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, là biện pháp chính của phổ biến, giáo

dục pháp luật qua báo nói, báo hình, qua mạng truyền thanh cơ sở....;

- Tuyên truyền miệng không thể không sử dụng đến một số hình thức tuyên truyền khác như là một công cụ hỗ trợ đắc lực của mình: Để có một buổi tuyên truyền miệng về pháp luật, báo cáo viên phải soạn một đề cương mà giá trị của nó như một tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, những hình ảnh minh họa cho buổi tuyên truyền có giá trị như phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức sinh hoạt văn hoá văn nghệ...;

- Với mục đích tự thân của nó, tuyên truyền miệng có nhiều ưu thế. Tuyên truyền miệng là hình thức tuyên truyền linh hoạt, có thể tiến hành ở bất cứ nơi nào, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào với số lượng người nghe bao nhiêu. Khi thực hiện việc tuyên truyền miệng, người nói có điều kiện thuận lợi để giải thích, phân tích, làm sáng tỏ nội dung cần tuyên truyền. Do có được thông tin hai chiều nên người nói điều chỉnh được nội dung và phương pháp truyền đạt của mình để đạt hiệu quả cao hơn, có thể hỏi đáp trực tiếp để đáp ứng tối đa yêu cầu của đối tượng.

- Người nói có thể biểu lộ thái độ, tình cảm của mình trước người nghe, kết hợp lời nói với cử chỉ... để diễn đạt nội dung nên hiệu quả tuyên truyền được nâng cao và tính chính xác cao, những ưu việt đó các hình thức tuyên truyền khác không có được. Vì những lẽ đó tuyên truyền miệng giữ một vị trí quan trọng trong các hình thức tuyền truyền pháp luật.

Tuy vậy, tuyên truyền miệng cũng có những hạn chế như: không thể áp dụng đối với các đối tượng không cùng ngôn ngữ, thính giác không hoàn chỉnh. Với các đối tượng này phải có các báo cáo viên, tuyên truyền viên riêng. Lời nói không có hình dáng, màu sắc, chỉ tác động vào thính giác. Để khắc phục hạn chế này, người nói phải biết gây ấn tượng, kích thích, lôi cuốn người nghe. Người nghe phải chăm chú theo dõi, tập trung tư tưởng cao.

2. Quy mô và đối tượng của tuyên truyền miệng về pháp luật

Quy mô của tuyên truyền miệng về pháp luật rất đa dạng, đối tượng của tuyên truyền miệng về pháp luật rất phong phú. Tuyên truyền miệng về pháp luật có thể tiến hành cho đủ mọi thành phần (cán bộ, nhân dân, trí thức, công nhân, nông dân, doanh nhân, phụ lão, thiếu nhi...) trong một hội nghị lớn, trong nhóm người, thậm chí cho một người.

Theo 3 tiêu chí chính: ***Đối tượng, quy mô và môi trường***, người nói cần lưu ý nghiên cứu tâm lý người nghe trong các lớp tập huấn, các buổi nói chuyện chuyên đề, các buổi họp, các buổi tuyên truyền cá biệt.

3. Phương thức tổ chức một số hình thức tuyên truyền miệng pháp luật

3.1. Mở các lớp tập huấn

Nội dung tập huấn có thể là một văn bản pháp luật kèm theo văn bản hướng dẫn thi hành hoặc nhiều văn bản pháp luật độc lập. Những văn bản pháp luật này có thể là văn bản tuyên truyền lần đầu hoặc là văn bản được tuyên truyền lặp lại. Học viên của lớp tập huấn là những báo cáo viên, biên tập viên, phóng viên, cán bộ thi

hành pháp luật, cán bộ quản lý trong lĩnh vực văn bản điều chỉnh.

Ở các lớp tập huấn, giảng viên không chỉ giới thiệu về các nội dung cơ bản của văn bản mà phải đi sâu vào những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực nghiệp vụ nhất định: thẩm quyền của các chủ thể, các biện pháp quản lý, thủ tục tiến hành các công việc. Chú trọng đổi mới phương pháp tập huấn, kết hợp phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại, lấy người học là trung tâm, áp dụng phương pháp tích cực, mọi người cùng tham gia, có sự trao đổi qua lại giữa học viên và giảng viên, huy động tính tích cực tham gia của học viên; giảng viên chỉ là người hướng dẫn, định hướng cho học viên vừa học lý thuyết vừa thực hành; kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, băng hình để buổi tập huấn sinh động, người học dễ tiếp thu và biết vận dụng thành thạo trong thực tiễn.

Việc tổ chức các lớp tập huấn có thể ở quy mô lớn (vài trăm người) cũng có thể ở quy mô nhỏ (vài chục người). Lưu ý cần bố trí thời gian hợp lý để triệu tập được đúng, đủ học viên, có quy chế để việc học tập được nghiêm túc. Cũng cần tổ chức viết thu hoạch hoặc kiểm tra, tổ chức đánh giá kết quả tập huấn (qua phiếu, phỏng vấn trực tiếp…), cấp chứng chỉ để kích thích ý thức và tinh thần học tập của học viên. Về hình thức nên có trang trí, khai mạc, bế mạc để lớp học trang trọng và tăng tính hiệu quả.

3.2. Nói chuyện chuyên đề về pháp luật

Một buổi nói chuyện chuyên đề về pháp luật thường là một buổi nói về một lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quản lý... gắn với một số chế định, ngành luật. Một buổi nói chuyện chuyên đề thường không đóng khung trong phạm vi pháp luật, trong khuôn khổ một vấn đề khép kín mà mở ra nhiều lĩnh vực có liên quan, nhiều hướng suy nghĩ. Chính vì thế, các buổi nói chuyện chuyên đề thường thu hút được đông đảo báo cáo viên pháp luật, cán bộ nghiên cứu, cán bộ xây dựng pháp luật, cán bộ tuyên truyền pháp luật, hòa giải viên, thành viên các Câu lạc bộ pháp luật... tham gia.

Báo cáo viên trong các buổi nói chuyện chuyên đề phải là người có kiến thức chuyên ngành sâu rộng về lĩnh vực được trình bày và am hiểu pháp luật.

Khi tổ chức một buổi nói chuyện chuyên đề nói chung và chuyên đề pháp luật nói riêng, người ta thường gắn vào các sự kiện chính trị, thời sự, những ngày có ý nghĩa lịch sử...

3.3. Lồng ghép việc tuyên truyền pháp luật vào một buổi họp

Do đối tượng dự, buổi họp rất đa dạng, có thể là cán bộ, công chức; người quản lý doanh nghiệp; người lao động; người dân ở thôn, bản, tổ dân phố, cho nên tùy từng đối tượng mà người tuyên truyền lựa chọn nội dung pháp luật để lồng ghép cho phù hợp. Nội dung pháp luật được truyền tải có thể trên cơ sở kế hoạch của cấp trên hoặc có thể do cán bộ tuyên truyền đề xuất trên cơ sở tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương.

Khi lồng ghép nội dung pháp luật vào một buổi họp, điểm quan trọng nhất là cách đặt vấn đề với người nghe. Cần đặt vấn đề sao cho người nghe thấy rằng vì sự

quan trọng và cấp thiết của việc tuyên truyền văn bản pháp luật lồng ghép vào hội nghị, cuộc họp này chứ không phải "nhân thể" hội nghị, cuộc họp này mà phổ biến văn bản. Nếu có thể được, người nói công bố việc tuyên truyền pháp luật là một nội dung trong chương trình cuộc họp hoặc công bố chương trình cuộc họp trước cho người dự cuộc họp. Một việc quan trọng nữa là xác định thời điểm, bối cảnh để phổ biến pháp luật sao cho hợp lý nhất để người nghe dễ tiếp thu và tạo không khí thoải mái cho người nghe. Qua đó, việc lồng ghép tuyên truyền pháp luật vào cuộc họp sẽ đạt được hiệu quả cao hơn.

3.4. Tuyên truyền miệng cá biệt

Tuyên truyền miệng cá biệt là hình thức tuyên truyền miệng về pháp luật mà đối tượng (người nghe) chỉ có một hoặc vài ba người. Nếu như tuyên truyền trong hội nghị cung cấp cho người nghe hiểu biết chung về pháp luật thì tuyên truyền cá biệt thường cung cấp cho người nghe những nội dung pháp luật cụ thể; vận dụng pháp luật trong những trường hợp, hoàn cảnh cụ thể mà người nghe đang quan tâm. Hình thức tuyên truyền này thường được sử dụng trong trường hợp người thừa hành pháp luật làm việc với đối tượng của mình; người tư vấn pháp luật hướng dẫn, giải thích cho người được tư vấn; cán bộ trợ giúp pháp lý hướng dẫn, trợ giúp pháp luật cho người được trợ giúp...

Trong tuyên truyền cá biệt, người nói thường ở vị trí "có lợi" đối với người nghe. Nhưng không vì thế mà trong khi thực hiện nhiệm vụ, người nói có thái độ áp đặt, lời nói mệnh lệnh đối với họ mà phải làm cho họ thực sự hiểu, tin, tôn trọng pháp luật, từ đó tự giác tuân thủ pháp luật. Muốn vậy người nói phải căn cứ từng đối tượng mà có biện pháp tuyên truyền thích hợp; tìm hiểu sâu hoàn cảnh, truyền thống của gia đình họ, vận dụng đạo lý, phong tục, tập quán, mục đích, ý nghĩa của các quy phạm pháp luật để giải thích, thuyết phục họ.

Để chuẩn bị cho buổi tuyên truyền cá biệt đạt kết quả, cán bộ làm công tác tuyên truyền pháp luật cần chuẩn bị các nội dung sau đây:

- Các quy định pháp luật liên quan đến sự việc của đương sự;

- Dự kiến tình huống, câu hỏi mà đương sự có thể hỏi, chất vấn;

- Phong tục, tập quán ở địa phương, đạo lý và những kiến thức xã hội có thể phải vận dụng;

- Nhân thân đương sự: Hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của đương sự trước đây; điều kiện, hoàn cảnh, truyền thống gia đình, nguyện vọng... của đương sự.

Khi tuyên truyền cá biệt đòi hỏi phải vận dụng kỹ năng tuyên truyền miệng hết sức tinh tế. Người nói còn phải là người nhạy cảm, tâm lý và có kinh nghiệm trong công tác này. Bên cạnh đó, để thuyết phục người nghe, tin ở pháp luật thì người nói phải thể hiện để người nghe tin mình là một cán bộ, công chức tốt (không có biểu hiện tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, gây phiền hà, có trách nhiệm với công việc, liêm khiết...). Trong khi tuyên truyền miệng cá biệt, những quy tắc tuyên truyền hội nghị không thể áp dụng một cách cứng nhắc, thậm chí học hàm, học vị, chức vụ... của người nói không có ý nghĩa lớn đối với người nghe.

Điều quan trọng nhất là người nói phải tạo được lòng tin, sự tôn trọng của người nghe; làm sao để người nghe tin rằng vận dụng pháp luật vào điều kiện, hoàn cảnh này là hoàn toàn chính xác. Như vậy, nếu một buổi tuyên truyền pháp luật ở hội nghị nhằm đạt yêu cầu chung là nâng cao niềm tin, hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật cho người nghe bằng cách cung cấp các hiểu biết, nhận thức chung về pháp luật cho họ thì tuyên truyền cá biệt có mục đích cao hơn là thông qua việc vận dụng pháp luật vào một hoàn cảnh, sự việc cụ thể để nâng cao niềm tin, ý thức chấp hành pháp luật của người nghe. Để đạt được mục đích, yêu cầu này người nói không những phải am hiểu pháp luật, hiểu biết đời sống xã hội mà phải có sự cảm thông sâu sắc với cuộc sống của đối tượng. Đôi khi, trong quá trình tuyên truyền cá biệt người nói cần phải tâm sự chân tình, chia sẻ với người nghe về hoàn cảnh của họ; có những lời khuyên, động viên một cách chân thành, tình cảm để tạo sự tin tưởng, yêu mến của người nghe với mình. Đó là những yếu tố cơ bản để thuyết phục đối tượng.

4. Kỹ năng tuyên truyền miệng về pháp luật

4.1. Gây thiện cảm ban đầu cho người nghe:

Giữa người nói và người nghe, nhất là lần đầu bao giờ cũng có hàng rào tâm lý ngăn cách. Vì vậy, việc gây thiện cảm ban đầu rất quan trọng. Thiện cảm ban đầu thuộc cả nhân thân và biểu hiện của người nói khi bước lên bục tuyên truyền. Thiện cảm ban đầu tạo ra sự hứng thú, say mê của người nghe, củng cố được niềm tin về vấn đề đang tuyên truyền. Danh tiếng, phẩm chất đạo đức, học hàm, học vị, chức vụ của người nói làm cho người nghe háo hức chờ đón buổi tuyên truyền. Dáng vẻ bề ngoài, y phục, nét mặt, cử chỉ, phong thái, lời giao đãi ban đầu đều có ý nghĩa quan trọng đối với việc gây thiện cảm cho người nghe. Đầu tóc bù xù, lúng túng trong việc sắp xếp tài liệu, sự ấp úng gây khó chịu ban đầu cho người nghe. Ngược lại, tươi cười bao quát hội trường, có lời chào mừng chúc tụng, có câu mở đầu dí dỏm, hài hước, công bố thời gian làm việc rõ ràng, thoải mái v.v.. người nói đều gây được thiện cảm ban đầu đối với người nghe.

4.2. Tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng trong khi nói:

Nghệ thuật tuyên truyền miệng là tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng bằng giọng nói, điệu bộ, ngôn ngữ. Giọng nói phải rõ ràng, mạch lạc nhưng truyền cảm. Hết sức tránh lối nói đều đều. Giọng nói, âm lượng phải thay đổi theo nội dung, phải nhấn mạnh vào những điểm quan trọng.

Trong một câu cần có từ, cụm từ được nhấn, điệu bộ có tác dụng kích thích sự chú ý của người nghe. Động tác, điệu bộ cần phải phù hợp với nội dung và giọng nói để nhân hiệu quả tuyền truyền của lời nói. Sắc thái có tác dụng truyền cảm rất lớn. Vẻ mặt của người nói cần thay đổi theo diễn biến của nội dung. Người nói đưa ra số liệu, sự kiện để minh họa, đặt câu hỏi để tăng thêm sự chú ý của người nghe.

Người nói cũng cần phát huy vai trò thông tin, truyền cảm của ngôn ngữ bằng cách sử dụng chính xác, đúng mức thuật ngữ pháp lý, thuật ngữ chuyên ngành và ngôn ngữ bình dân.

Việc sử dụng hợp lý, chính xác ý tứ, hình ảnh trong kinh điển, thơ văn, ca dao,

dân ca vào buổi tuyền truyền pháp luật cũng làm tăng tính hấp dẫn, thuyết phục đối với người nghe.

4.3. Bảo đảm các nguyên tắc sư phạm trong tuyên truyền miệng:

Người nói cần tôn trọng các nguyên tắc sư phạm. Từ bố cục bài nói, diễn đạt các đoạn văn, liên kết giữa các đoạn văn, đến cách nói đều phải rõ ràng, mạch lạc, lôgic. Người nghe cần được dẫn dắt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ gần đến xa (phương pháp suy diễn) hoặc từ xa đến gần (phương pháp quy nạp) và tuỳ từng vấn đề mà dùng lý luận soi sáng cho thực tiễn hoặc từ thực tiễn mà đi sâu vào lý luận. Tuy nhiên dù diễn giải rộng hay hẹp đều phải luôn bám sát trọng tâm của vấn đề.

4.4. Sử dụng phương pháp thuyết phục trong tuyên truyền miệng:

Có 3 phương pháp tuyên truyền là thuyết phục, nêu gương và ám thị. Tuyên truyền miệng về pháp luật chủ yếu dùng phương pháp thuyết phục với ba bộ phận cấu thành là chứng minh, giải thích và phân tích.

- **Chứng minh** là cách thuyết phục chủ yếu dựa vào các dẫn chứng xác thực để làm sáng tỏ và xác nhận tính đúng đắn của vấn đề. Các dẫn chứng đưa ra gồm số liệu, sự kiện, hiện tượng, nhân chứng, danh ngôn, kinh điển. Các dẫn chứng này phải chính xác, tiêu biểu, toàn diện và sát hợp với vấn đề cần chứng minh. Có như vậy mới có sức thuyết phục.

- **Giải thích** là việc dùng lý lẽ để giảng giải giúp người nghe hiểu rõ và hiểu đúng vấn đề. Lập luận trong khi giải thích phải chặt chẽ, chính xác, mạch lạc, khúc triết, không ngụy biện.

- **Phân tích** là mổ xẻ vấn đề nhằm tìm được đặc điểm, bản chất, điểm mạnh, điểm yếu, điểm tốt, điểm xấu, sự phù hợp, không phù hợp.... của vấn đề. Việc phân tích phải dựa trên cơ sở khoa học, không được cường điệu mặt này, hạ thấp mặt kia, tô hồng hoặc bôi đen sự việc. Sau khi phân tích phải có kết luận, đánh giá, hướng người nghe vào định hướng tư duy đúng đắn, không làm cho người nghe hoài nghi, dao động, hoang mang.

5. Các bước tiến hành một buổi tuyên truyền miệng về pháp luật:

5.1. Bước chuẩn bị: gồm 5 nội dung chính sau đây:

- Nắm vững đối tượng tuyên truyền:

Cần phải biết là nói với ai để nói như thế nào. Vì thế có câu: Nghệ thuật tuyên truyền trước hết là nghệ thuật nắm vững đối tượng tuyên truyền. Người ta nắm vững đối tượng tuyên truyền qua các yếu tố sau đây:

- Số lượng, thành phần: trí thức, công nhân, nông dân, học sinh, thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, phụ lão...; trình độ văn hoá; tình hình thực hiện pháp luật ở cơ sở đó; ý thức pháp luật, nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đối tượng.

- Có thể nắm vững đối tượng bằng phương pháp trực tiếp (tự điều tra, tìm hiểu, gặp gỡ, hỏi han, quan sát...) hoặc bằng phương pháp gián tiếp (qua các tài liệu, sách

báo, báo cáo, tổng kết, trao đổi với những người làm công tác quản lý, phản ảnh của người tổ chức buổi tuyên truyền...).

- *Nắm vững những vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh:*

Kỹ thuật nghiệp vụ chuyên ngành, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực đó, các tài liệu lý luận, giáo khoa, các tài liệu của nước ngoài trong lĩnh vực đó. Điều này yêu cầu người nói phải có quá trình sưu tầm, tích luỹ lâu dài với một ý thức đầy đủ về công việc và lòng say mê nghề nghiệp.

- *Nắm vững nội dung văn bản. Cụ thể là:*

+ Hiểu rõ ý nghĩa, bản chất pháp lý của vấn đề được văn bản điều chỉnh, sự cần thiết phải ban hành văn bản;

+ Hiểu rõ đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của văn bản;

+ Hiểu rõ ý nghĩa của các quy phạm, đặc biệt là ý nghĩa về mặt quản lý Nhà nước, về tác dụng điều chỉnh của từng quy phạm cụ thể.

Muốn vậy người nói cần nắm được các thông tin tư liệu liên quan tới văn bản, nắm vững tư tưởng, quan điểm chỉ đạo của việc ban hành các văn bản đó thông qua các nghị quyết của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội hoặc trực tiếp hơn là qua tờ trình về việc ban hành văn bản, qua các bài xã luận, bình luận khoa học đối với văn bản. Ngoài ra, việc giới thiệu có chọn lọc ý kiến đóng góp của các chuyên gia, của những nhà hoạt động thực tiễn liên quan đến văn bản đó cũng rất cần thiết.

- Nghiên cứu các văn bản thi hành, tài liệu hướng dẫn tuyên truyền văn bản đó;

- Nắm vững hệ thống văn bản điều chỉnh lĩnh vực đó;

- Theo dõi sát quá trình dự thảo văn bản từ khi lập đề cương, qua các cuộc thảo luận, lấy ý kiến nhân dân, kết quả tiếp thu, chỉnh lý cho đến khi văn bản được ban hành.

- *Sưu tầm các tài liệu dẫn chứng, minh họa*

- *Chuẩn bị đề cương*

Đề cương cho buổi nói cần đầy đủ về nội dung, thích hợp với đối tượng, chặt chẽ về bố cục, sắc sảo về lập luận. Khi chuẩn bị đề cương cần chú ý:

- Đề cương không phải là một bài viết hoàn chỉnh.

- Lựa chọn vấn đề cốt lõi của văn bản, liên hệ với hệ thống pháp luật để làm rõ mối quan hệ của văn bản với hệ thống pháp luật;

- Để thu hút người nghe, toàn bộ các phần trong bài nói phải có mối quan hệ hữu cơ với nhau như cốt truyện của một câu chuyện: từ yêu cầu, nhiệm vụ của văn bản, dẫn đến cơ chế quản lý thế nào, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thế nào, chế tài đối với người vi phạm ra sao... để đạt được yêu cầu nhiệm vụ của văn bản.

Có sự chuẩn bị tốt người nói sẽ có tâm trạng tự tin, thoải mái, hào hứng trước khi bước vào buổi nói chuyện.

5.2. Tiến hành buổi tuyên truyền miệng về pháp luật:

Một buổi tuyên truyền miệng về pháp luật thường có các phần sau:

- *Vào đề*: Nhằm giới thiệu vấn đề, khơi gợi nhu cầu của đối tượng, định hướng tư duy, khơi gợi tình cảm, thiết lập quan hệ giữa người nói với người nghe.

Với tuyên truyền miệng về pháp luật, cách vào đề có hiệu quả thường là gợi ra nhu cầu tìm hiểu ý nghĩa, sự cần thiết phải ban hành văn bản, phải có pháp luật để điều chỉnh vấn đề đang tuyên truyền.

- *Nội dung:* Là phần chủ yếu của buổi tuyên truyền, làm cho đối tượng hiểu, nắm được nội dung, chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức cho đối tượng. Cần lưu ý không bao giờ viết đề cương là sao chép, tóm tắt văn bản, tuyên truyền, giới thiệu pháp luật không bao giờ là đọc nguyên văn văn bản. Viết, đọc một đoạn nào đó trong văn bản chỉ có tính chất dẫn chứng, minh họa.

Trong tuyên truyền văn bản phải chú ý tới 2 điều:

- Trình bày theo cách nào là thích hợp nhất;

- Nêu những vấn đề gì là cơ bản, cốt lõi, trọng tâm để người nghe nắm được nội dung văn bản.

Đối tượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật hết sức phong phú nhưng có thể tạm chia ra 4 loại: Cán bộ quản lý; cán bộ nghiên cứu, xây dựng văn bản, cán bộ tuyên truyền, những người phải chấp hành pháp luật.

Trên cơ sở phân loại đó mà có sự hình dung về mục đích, yêu cầu trọng tâm, trọng điểm, phương pháp trình bày phù hợp với từng đối tượng.

- **Với cán bộ quản lý**: Tuỳ theo từng cấp có thể thiên về phương pháp khái quát hoặc diễn giải, thiên về lý luận hoặc thực tiễn, nhưng cần tập trung nhấn mạnh, làm rõ những quy phạm về quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước, nội dung quản lý Nhà nước, các hình thức vi phạm và mức độ xử lý, thẩm quyền xử lý, tổ chức thi hành văn bản. . .

- **Với cán bộ nghiên cứu, xây dựng văn bản**: Phương pháp khái quát thường đạt hiệu quả tuyên truyền cao vì đối tượng này thường quan tâm đến những quan điểm, những vấn đề lý luận chứa đựng trong văn bản. Ngoài ra cần làm rõ: văn bản đã đáp ứng được những nhu cầu thực tiễn nào, những gì chưa đáp ứng được, những gì đã thống nhất, những gì tồn tại, văn bản nào sẽ được ban hành tiếp, vị trí của văn bản này trong hệ thống các văn bản thuộc lĩnh vực văn bản điều chỉnh...

- **Với cán bộ tuyên truyền** (gồm báo cáo viên, tuyên truyền viên, phóng viên, biên tập viên): có thể dùng phương pháp khái quát hoặc diễn giải tuỳ theo hình thức văn bản nhưng cần nhấn mạnh bản chất, ý nghĩa pháp lý của vấn đề, sự cần thiết, mục đích của việc ban hành văn bản, những số liệu, tài liệu cần viện dẫn, đối chiếu, so sánh, các vấn đề chủ yếu cần tập trung phổ biến, tuyên truyền.

- **Với những người phải chấp hành pháp luật**: Dùng phương pháp diễn giải là phù hợp. Cần nêu bản chất, ý nghĩa của vấn đề, mục đích, sự cần thiết phải ban

hành văn bản, ý nghĩa của các quy phạm liên quan đến từng đối tượng thi hành trong văn bản. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ xã hội được văn bản điều chỉnh, cơ chế thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện, thời hiệu khiếu nại, khởi kiện *v.v.*.

- *Phần kết luận:*

Người nói thường điểm lại và tóm tắt những vấn đề cơ bản đã tuyên truyền. Tuỳ từng đối tượng mà nêu những vấn đề cần lưu ý đối với họ.

- *Trả lời câu hỏi của người nghe:* Cần dành thời gian cần thiết trả lời các câu hỏi mà người nghe quan tâm, chưa hiểu rõ.

Tóm lại, hiệu quả của tuyên truyền miệng về pháp luật phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Để đạt hiệu quả tuyên truyền cao, người tuyên truyền phải dày công tích luỹ, chuẩn bị đề cương, phải có nghệ thuật phá hàng rào ngăn cách ban đầu về mặt tâm lý gây thiện cảm, gây sự chú ý của người nghe từ khi bắt đầu buổi nói chuyện; phải biết tạo nhu cầu, kích thích, hấp dẫn, gây ấn tượng cho người nghe trong suốt buổi nói; biết kết luận đúng cách để khi kết thúc còn để lại những điều cần thiết cho người nghe tiếp tục suy nghĩ.

6. Xây dựng kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền miệng

Người làm công tác tuyên truyền pháp luật thường phải xây dựng kế hoạch tổ chức những buổi tuyên truyền về pháp luật để:

- Trình người lãnh đạo trực tiếp phê duyệt;

- Thông báo cho các đơn vị liên quan (nếu có);

- Thông báo cho báo cáo viên những điểm cần thiết khi cán bộ tuyên truyền pháp luật mời người khác nói;

Yêu cầu đối với bản kế hoạch là: đầy đủ, cụ thể, rõ ràng, ngắn gọn.

Nội dung bản kế hoạch ngoài phần tiêu đề phải có những nội dung chính sau đây:

- Mục đích*;*

- Đối tượng: thành phần, số lượng, đặc điểm của đối tượng về giới tính, nghề nghiệp, độ tuổi…;

- Nội dung;

- Thời gian, địa điểm;

- Báo cáo viên;

- Công tác chuẩn bị;

- Kinh phí.

Khi xây dựng kế hoạch, cán bộ làm công tác tuyên truyền phải luôn luôn gắn với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị. Ví dụ: khi đề ra mục đích tuyên truyền cần phải gắn với việc góp phần khắc phục những mặt yếu kém về quản lý, giảm tình trạng vi phạm pháp luật... ở địa bàn.

VI. KỸ NĂNG BIÊN SOẠN ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT

1. Một số vấn đề chung

1.1. Khái niệm đề cương

Đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật là tài liệu dùng để tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn, phổ biến một văn bản pháp luật, một vấn đề pháp lý mà người sử dụng có thể dựa vào đó để nghiên cứu nội dung văn bản, các trọng tâm cần tập trung tuyên truyền, phổ biến văn bản hoặc để biên soạn các tài liệu tuyên truyền khác một cách cụ thể, sát hợp, sinh động, phù hợp với bối cảnh, đối tượng nhưng vẫn đảm bảo cho đối tượng hiểu chính xác nội dung văn bản và thực hiện thống nhất. Mặt khác, đề cương tuyên truyền còn có nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức triển khai tuyên truyền văn bản pháp luật phù hợp với từng loại đối tượng, trên từng địa bàn.

1.2. Sự cần thiết phải xây dựng đề cương tuyên truyền pháp luật

Nhiệm vụ cơ bản của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là làm cho mọi ngành, mọi cấp, mọi cơ quan, tổ chức, mọi công dân đều hiểu biết pháp luật để nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ, nhân dân. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai ở nhiều ngành, nhiều cấp, bằng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau. Yêu cầu xuyên suốt trong quá trình triển khai là mọi người phải hiểu đúng các quy định của pháp luật để từ đó vận dụng một cách thống nhất, vì vậy họ phải nắm bắt được tư tưởng chủ đạo của văn bản trước khi nắm văn bản, những vấn đề cốt lõi khi xây dựng văn bản quy định những vấn đề gì, quy định như thế nào và tại sao lại quy định như vậy. Việc xây dựng một quy phạm pháp luật, một văn bản quy phạm pháp luật luôn bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, tài chính, phong tục, truyền thống, trình độ dân trí... Vì vậy, chỉ với những tài liệu, kiến thức đã tích luỹ được trong quá trình lâu dài và cả những gì nắm được trong quá trình dự thảo văn bản, với trình độ pháp lý và kinh nghiệm nghề nghiệp nhất định, người viết đề cương mới thâu tóm được tinh thần văn bản đưa vào đề cương.

Đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật còn có tác dụng hướng dẫn chỉ đạo việc triển khai tuyên truyền văn bản. Vì vậy, viết đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật bao giờ cũng giữ một vị trí quan trọng trong công tác chỉ đạo và tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật.

1.3. Đối tượng sử dụng đề cương

Đối tượng sử dụng đề cương tuyên truyền rất đa dạng, thường là các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, phóng viên báo đài, cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan tư pháp và cán bộ làm công tác pháp chế của các bộ, ngành, đoàn thể và các doanh nghiệp.

1.4. Yêu cầu của việc xây dựng đề cương

Xây dựng đề cương tuyên truyền pháp luật cần bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau:

Về hình thức: Bố cục đề cương phải rõ ràng, chặt chẽ, hợp lý. Ngôn ngữ được sử dụng trong đề cương phải là ngôn ngữ đại chúng, cách hành văn giản dị, trong

sáng, dễ hiểu. Diễn đạt phải mạch lạc, súc tích, ngắn gọn.

Về nội dung: Đề cương phải tạo điều kiện cho người sử dụng hiểu đúng mục đích, ý nghĩa của việc ban hành văn bản pháp luật, hiểu chính xác quy định của pháp luật, nắm được nội dung chính, những vấn đề trọng tâm của văn bản pháp luật, cách vận dụng văn bản trong các quan hệ pháp luật.

Về thời gian: Để đảm bảo tính thời sự của văn bản, đề cương tuyên truyền cần được biên soạn và cung cấp kịp thời cho các đối tượng để tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến trước ngày văn bản có hiệu lực pháp luật, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện và áp dụng pháp luật được thống nhất.

1.5. Yêu cầu đối với người viết đề cương

Để đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật có chất lượng, yêu cầu người viết đề cương tuyên truyền pháp luật cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- *Có trình độ pháp lý nhất định.* Chất lượng của đề cương tuyên truyền pháp luật phụ thuộc nhiều vào trình độ pháp luật của người viết đề cương, vì thế để đảm bảo yêu cầu tối thiểu của đề cương, người viết đề cương phải được đào tạo về pháp luật hoặc có nhiều năm công tác thực tiễn trong lĩnh vực đó.

- *Nắm vững nội dung văn bản.* Người viết đề cương tuyên truyền pháp luật có thể là người trực tiếp tham gia vào quá trình soạn thảo, cho ý kiến hoặc thẩm định nội dung văn bản pháp luật đó, thì họ chính là người hiểu rõ nhất những nội dung quan trọng và những vấn đề cốt lõi của văn bản pháp luật (như đối tượng, phạm vi điều chỉnh). Trong trường hợp, người viết đề cương tuyên truyền không phải là người trực tiếp tham gia vào quá trình soạn thảo, cho ý kiến hoặc thẩm định nội dung văn bản pháp luật đó, thì cần phải tìm hiểu và nắm vững nội dung của văn bản đó trước khi viết đề cương.

- *Hiểu sâu sắc vấn đề mà văn bản pháp luật điều chỉnh.* Để đáp ứng yêu cầu này, người viết đề cương phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng về các vấn đề cần nêu, các văn bản gốc và các văn bản có liên quan khác nếu có, tìm hiểu pháp luật của nước ta trước đây và pháp luật của nước ngoài quy định về vấn đề đó, các tài liệu, lý luận, giáo khoa và đôi khi phải tìm hiểu cả về mặt kỹ thuật nghiệp vụ trong lĩnh vực đó.

- *Hiểu rõ đối tượng sử dụng đề cương.* Đối tượng sử dụng đề cương tuyên truyền pháp luật thường là cán bộ làm công tác tuyên truyền của các ngành, các cấp; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và đội ngũ phóng viên, biên tập viên của các cơ quan thông tin đại chúng chuyên viết về pháp luật để từ đó người viết đề cương tuyên truyền có cách viết cho phù hợp với trình độ, nghề nghiệp, tâm lý lứa tuổi...

- *Nắm vững tình hình kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán, truyền thống* ... tình hình vi phạm pháp luật và yêu cầu quản lý về từng lĩnh vực. Do đó, người viết đề cương tuyên truyền cần phải tích luỹ tài liệu, kiến thức, bám sát thực tế cuộc sống, có quan hệ phối hợp rộng rãi với các cơ quan ban, ngành.

- Có vốn ngôn ngữ phong phú, lối hành văn giản dị, trong sáng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ vận dụng.

2. Nội dung cơ bản của Đề cương

Đề cương tuyên truyền một văn bản pháp luật thường bao gồm 3 phần chính sau đây:

Phần 1. Những vấn đề chung

Phần này thường nêu sự cần thiết, mục đích, ý nghĩa của việc ban hành văn bản. Phần này cũng cần nêu nguồn gốc pháp lý của văn bản (xuất phát từ Hiến pháp, Luật hoặc các văn bản quy phạm khác), vị trí, vai trò của văn bản trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Quan điểm và những nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng văn bản pháp luật; tư tưởng chủ đạo và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội trong đời sống hàng ngày và yêu cầu của chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta.

Phần 2. Giới thiệu văn bản

Một trong những yêu cầu vô cùng quan trọng của đề cương tuyên truyền là giúp đối tượng nắm bắt một cách khái quát về nội dung của văn bản đó mà không thể đi sâu giới thiệu hết các chương, các điều của văn bản đó. Vì vậy phần đầu của đề cương phải giới thiệu bố cục của văn bản với nguyên văn tên các phần, chương, mục để người đọc khái quát được nội dung của văn bản pháp luật đó.

Giới thiệu bố cục văn bản: số chương, tên các chương, số điều trong chương để người sử dụng có thể hình dung khái quát nội dung văn bản.

Nội dung chủ yếu của văn bản:

- Nhiệm vụ của văn bản;

- Đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của văn bản;

- Những nguyên tắc chung chi phối các quy định trong văn bản;

- Những vấn đề được đề cập trong nội dung văn bản, ý nghĩa các quy phạm, chế định trong văn bản;

- Những điểm mới trong văn bản so với pháp luật hiện hành, những điểm sửa đổi, bổ sung, lý do sửa đổi, bổ sung, ý nghĩa của việc sửa đổi, bổ sung. Khi cần thiết có thể nêu một số vấn đề gây tranh luận, những vấn đề đang tồn tại;

- Quyền, nghĩa vụ của các chủ thể và những người có liên quan, các quy định, thủ tục phải thực hiện;

- Vị trí của văn bản trong hệ thống pháp luật hiện hành, các văn bản sẽ ban hành kèm theo (nếu có).

Phần 3. Tổ chức thực hiện

Đây là phần hướng dẫn người sử dụng đề cương chủ yếu là các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, các cơ quan thông tin đại chúng. Trong phần này cần

làm rõ các vấn đề:

- Nêu trọng tâm, trọng điểm tuyên truyền, gắn tuyên truyền văn bản với việc thực hiện những chủ trương lớn, những vấn đề thời sự và yêu cầu quản lý của ngành, của địa phương;

- Đưa ra các gợi ý về biện pháp tổ chức thực hiện, phương pháp và hình thức tuyên truyền đối với từng loại đối tượng, từng địa bàn căn cứ vào nhu cầu của đối tượng và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương; đặc biệt là tập trung quan tâm đến đối tượng cần chú trọng tuyên truyền;

- Phương hướng phối hợp giữa ngành tư pháp, các ngành hữu quan và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tổ chức tuyên truyền văn bản.

Phần 4. Phụ lục *(nếu có)*

Trong điều kiện có thể, đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật nên có các tài liệu tham khảo kèm theo bao gồm các số liệu, các trích dẫn để khẳng định, chứng minh, so sánh, mở rộng những vấn đề đã nêu trong đề cương nhằm giúp cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền pháp luật; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các cấp, các ngành có điều kiện tham khảo, dẫn chứng khi thực hiện các hoạt động tuyên truyền pháp luật cho cán bộ và nhân dân.

3. Các bước cần thiết để viết Đề cương

Để viết được một đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật hoàn chỉnh và có chất lượng, thường được tiến hành qua các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Nghiên cứu văn bản pháp luật mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung.

- Thu thập và nghiên cứu kỹ các tài liệu có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản như: tờ trình về việc ban hành văn bản; báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp cho dự thảo văn bản; các văn kiện của Đảng, chính sách của nhà nước; các tài liệu trong nước và nước ngoài liên quan đến nội dung văn bản để nắm được xuất xứ của văn bản (nếu là văn bản ban hành lần đầu), văn bản gốc và yêu cầu thực tế khách quan liên quan đến những nội dung cần sửa đổi, bổ sung (đối với văn bản sửa đổi, bổ sung).

- Tìm hiểu đối tượng sử dụng, mục đích sử dụng đề cương để đưa ra các hướng dẫn, chỉ đạo cách thức, biện pháp tuyên truyền thích hợp.

- Nghiên cứu tình hình kinh tế xã hội, phong tục, truyền thống, tình hình vi phạm pháp luật, yêu cầu quản lý về lĩnh vực đề cập trong văn bản, để phân tích các vấn đề nêu ra trong văn bản đã đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội và yêu cầu của công tác quản lý trong lĩnh vực đó.

Bước 2: Biên soạn đề cương.

Trước khi viết một đề cương hoàn chỉnh, thường xây dựng bố cục đề cương chi tiết. Sau khi lãnh đạo thông qua bố cục đề cương, có thể:

- Trực tiếp biên soạn bằng cách dựa trên cơ sở đề cương chi tiết và các tài liệu đã được nghiên cứu để viết đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham gia soạn thảo văn bản đề nghị viết theo bố cục đề cương chi tiết.

Bước 3: Biên tập đề cương.

Bước 4: Hoàn chỉnh, in ấn và gửi cho các đối tượng sử dụng

VII. KỸ NĂNG BIÊN SOẠN TỜ GẤP PHÁP LUẬT

1. Khái niệm, vị trí, vai trò của tờ gấp pháp luật

1.1. Khái niệm: Tờ gấp tuyên truyền pháp luật là một loại tài liệu tuyên truyền pháp luật được biên soạn một cách ngắn gọn, rõ ràng trên khuôn khổ một tờ giấy nên dễ dàng, thuận tiện trong sử dụng, là một trong những hình thức tuyên truyền pháp luật hiệu quả.

1.2. Đối tượng sử dụng: So với các loại tài liệu phổ biến pháp luật khác như đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật, bản tin... thì tờ gấp pháp luật có đối tượng sử dụng rộng rãi hơn, từ cán bộ, công chức, người lao động, người sử dụng lao động, học sinh, sinh viên cho đến toàn thể nhân dân.

1.3. Ưu điểm của tờ gấp pháp luật:

- Tờ gấp pháp luật hấp dẫn người đọc bằng hình thức thể hiện: in nhiều màu, có tranh ảnh minh họa, trình bày ngắn gọn, rõ ràng...

- Đầy đủ, chính xác, cụ thể về nội dung của vấn đề đưa vào tờ gấp tuyên truyền pháp luật như: những điều cấm, những điều được làm, nên làm, quy chế, thủ tục tiến hành công việc, chức năng, thẩm quyền của các cơ quan hữu quan trong một lĩnh vực nào đó…

- Thuận tiện cho việc sử dụng.

1.4. Một số hạn chế của tờ gấp pháp luật:

- Nội dung ngắn nên hạn chế về lượng thông tin.

- Giá trị sử dụng không được lâu bằng các tài liệu pháp luật khác.

2. Những kỹ năng chủ yếu trong việc làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật.

2.1. Biên soạn nội dung

- Căn cứ vào nhu cầu và đối tượng sử dụng, người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm lựa chọn những nội dung pháp luật phù hợp với từng đối tượng để đưa vào tờ gấp.

Ví dụ: Tờ gấp tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của Bộ luật lao động. Có thể được chia thành:

Phần chung: Quyền và nghĩa vụ của người lao động

Phần riêng: Quyền và nghĩa vụ của người lao động nữ, lao động chưa thành

niên, lao động là người cao tuổi...

- Cách thức thể hiện nội dung vào tờ gấp:

+ Hỏi - đáp trực tiếp.

+ Trả lời gián tiếp thông qua các tình huống pháp luật.

2.2. Xác định khuôn khổ của tờ gấp

Kích thước của tờ gấp được hiểu là chiều dài và chiều rộng của tờ gấp khi tờ gấp ở trạng thái trải ra hoàn toàn. Kích thước của tờ gấp phụ thuộc vào nội dung tờ gấp.

Nên ưu tiên tờ gấp có kích thước bằng khổ giấy A4, vì có thể dùng tờ gấp này làm tờ mẫu phôtô nhân bản trên giấy A4 phát rộng rãi cho đối tượng tuyên truyền. Từ kích thước tờ gấp người ta dễ dàng chọn được số bình cho tờ gấp sao cho khi gấp lại tờ gấp có hình dáng sát với hình chữ nhật tiêu chuẩn. Ví dụ: tờ gấp khổ A4 khi gấp lại được 3 bình với kích thước 21 x 10.

2.3. Bố cục tờ gấp (lên ma két) :

Bố cục tờ gấp gồm bố cục bìa, phần nội dung cho các trang, trám tranh, ảnh cho các trang, đặt tít của tờ gấp, tít của từng phần, chọn chữ, chọn màu và phân bố, làm vi-nhét cho từng trang.

Nếu coi tờ gấp có mặt trong, mặt ngoài và đánh số 1 vào trang đầu của mặt trong rồi lần lượt từ trong ra ngoài thì thường gấp tờ gấp sao cho trang cuối cùng là bìa trước, trang áp cuối là bìa sau. Tuy nhiên, với cách gấp khác hoặc với tờ gấp 5 bình, 7 bình thì việc xác định bìa trước, bìa sau có thể thay đổi. Bìa trước ghi tên của tờ gấp và tranh hoặc ảnh nhằm gây ấn tượng về chủ đề của tờ gấp. Bìa sau cũng có tác dụng làm tăng tính thẩm mỹ tờ gấp bằng những khẩu hiệu, danh ngôn, tranh, ảnh…

Khi phân nội dung cho các trang, cố gắng để mỗi trang thể hiện được một phần nội dung của tờ gấp và giữa các phần có thứ tự lôgíc với nhau. Tít của từng phần có thể theo tên chương, mục của văn bản hoặc tự đặt sát với nội dung của nó. Việc trám tranh, ảnh vào các trang không những gây ấn tượng về nội dung mà còn làm tăng tính hấp dẫn của tờ gấp. Việc thay đổi kiểu chữ, cỡ chữ, chọn màu, phân bố màu, làm vi nhét cho tờ gấp... là những việc có tính chất mỹ thuật; nếu có điều kiện nên mời họa sĩ tham gia để tờ gấp được trình bày đẹp và hợp lý.

3. Tổ chức làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật

3.1. Xây dựng kế hoạch làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật.

Thông thường việc làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật phải được đưa vào kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở các văn bản pháp luật mới được Quốc hội thông qua, văn bản của địa phương, nhu cầu tuyên truyền, phổ biến pháp luật của ngành, địa phương, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chủ trương tăng cường quản lý trong ngành hoặc địa phương.

Tờ gấp tuyên truyền pháp luật cũng có thể phát hành để tuyên truyền, phổ biến lại một văn bản, hoặc phát hành đột xuất khi nhiệm vụ chính trị yêu cầu.

Cơ sở để làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật là bản kế hoạch được lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt.

Nội dung bản kế hoạch này gồm:

- Mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và sự cần thiết phải phát hành tờ gấp tuyên truyền pháp luật.

- Đối tượng sử dụng.

- Nội dung tờ gấp (đề cương chi tiết).

- Hình thức thể hiện.

- Các thông số cơ bản của tờ gấp: kích thước, số bình, số tranh ảnh trám vào tờ gấp, số màu sử dụng, số phát hành…

- Tổ chức triển khai kế hoạch (phân công người biên soạn, người biên tập, duyệt nội dung).

- Tiến độ, thời gian và kinh phí thực hiện.

3.2. Thiết kế tờ gấp tuyên truyền pháp luật

Sau khi đã hoàn chỉnh nội dung của tờ gấp, người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện một số công việc sau:

- Liên hệ với họa sĩ để thiết kế mẫu tờ gấp.

- Trình lãnh đạo cơ quan, đơn vị duyệt mẫu tờ gấp.

3.3. Làm các thủ tục xuất bản tờ gấp tuyên truyền pháp luật:

Mẫu tờ gấp sau khi được phê duyệt, người được giao nhiệm vụ cần tiến hành một số công việc sau:

- Xin giấy phép xuất bản.

- Ký hợp đồng với nhà in, theo dõi việc in ấn.

- Nộp lưu chiểu theo quy định của pháp luật.

3.4. Tổ chức phát hành tờ gấp tuyên truyền pháp luật

Việc tổ chức phát hành tờ gấp cần căn cứ vào yêu cầu, mục đích và đối tượng cần tuyên truyền đã được xác định trong kế hoạch. Việc phát hành tờ gấp có thể gửi trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng hoặc thông qua cơ quan, tổ chức để cấp phát cho đối tượng.

Phần thứ hai
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

1. Giới thiệu chung

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, Internet và chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức quản lý nhà nước cũng như cách thức tiếp cận thông tin của người dân. Từ một quốc gia có hạ tầng Internet còn nhiều hạn chế,

Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc, tạo nền tảng vững chắc cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Năm 1997, khi Internet chính thức được cung cấp tại Việt Nam, cả nước chỉ có hơn 200.000 người sử dụng, việc kết nối chủ yếu thông qua đường truyền Dial-up với tốc độ rất thấp. Sau gần ba thập kỷ phát triển, Việt Nam hiện có hơn 85,6 triệu người sử dụng Internet, chiếm khoảng 84,2% dân số; đứng thứ 18 thế giới, thứ 8 châu Á và thứ 3 khu vực Đông Nam Á về số lượng người dùng Internet. Hạ tầng số được đầu tư đồng bộ với mạng cáp quang phủ rộng trên toàn quốc, các thế hệ mạng di động 3G, 4G và 5G được triển khai rộng rãi, đạt hơn 110,5 triệu thuê bao Internet băng rộng di động. Đồng thời, tốc độ Internet cố định của Việt Nam liên tục được cải thiện, nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ truy cập nhanh hàng đầu thế giới.

Sự phát triển của hạ tầng số cùng với việc phổ cập điện thoại thông minh, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và các nền tảng số đã tạo ra môi trường thuận lợi để đổi mới toàn diện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL). Người dân ngày càng có xu hướng tiếp cận thông tin qua môi trường số thay vì các phương thức truyền thống. Vì vậy, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL không chỉ là xu hướng mà đã trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền, bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận thông tin pháp luật mọi lúc, mọi nơi.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia và các chương trình, đề án của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã và đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác PBGDPL thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật, phát triển các nền tảng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tăng cường truyền thông trên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông số. Qua đó, từng bước hình thành hệ sinh thái PBGDPL số, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng xã hội số và công dân số.

2. Một số hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số

Phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số là việc ứng dụng công nghệ số, Internet và các nền tảng số để truyền tải thông tin pháp luật đến người dân, doanh nghiệp và các tổ chức một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và tương tác cao. So với phương thức tuyên truyền truyền thống, PBGDPL trên môi trường số có nhiều ưu điểm như không bị giới hạn về không gian, thời gian; dễ dàng tiếp cận số lượng lớn người sử dụng; tiết kiệm chi phí; đồng thời cho phép đo lường hiệu quả tuyên truyền thông qua các công cụ phân tích dữ liệu.

Hiện nay, hoạt động PBGDPL trên môi trường số không còn giới hạn ở việc đăng tải văn bản trên cổng hoặc trang thông tin điện tử mà được triển khai đa dạng trên nhiều nền tảng như: cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng di động, nền tảng chia sẻ video, hệ thống thư điện tử, tin nhắn, chatbot, trợ lý ảo, podcast và các nền tảng truyền thông số khác. Bên cạnh đó, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và công nghệ đa phương tiện đang góp phần nâng cao

khả năng cá nhân hóa nội dung, tăng tính tương tác và mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin pháp luật.

Tùy theo điều kiện thực tế, đối tượng tuyên truyền và mục tiêu truyền thông, các cơ quan, tổ chức có thể lựa chọn hoặc kết hợp nhiều hình thức PBGDPL trên môi trường số nhằm bảo đảm hiệu quả, phù hợp với nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân và doanh nghiệp. Dưới đây là một số hình thức phổ biến đang được triển khai hiệu quả trong thực tiễn.

2.1. Cung cấp văn bản quy phạm pháp luật

Việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật trên môi trường số là một trong những nội dung cốt lõi của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần bảo đảm quyền được thông tin của công dân, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện, chính xác các quy định của pháp luật, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Các văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải trên môi trường số phải bảo đảm đúng bản gốc, đầy đủ, chính xác, còn hiệu lực, được cập nhật kịp thời khi có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ. Việc khai thác, sử dụng văn bản cần được thực hiện từ các nguồn thông tin chính thống của Nhà nước nhằm bảo đảm tính pháp lý và độ tin cậy của thông tin.

Hiện nay, người dân và các cơ quan, tổ chức có thể tra cứu văn bản quy phạm pháp luật tại các hệ thống thông tin điện tử chính thức sau:

Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật: https://vbpl.vn

Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: https://chinhphu.vn

Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp: https://moj.gov.vn

Cổng Phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia: https://pbgdpl.gov.vn

Cổng Thông tin điện tử Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: https://congbao.chinhphu.vn

Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đăng tải các văn bản thuộc phạm vi quản lý và các tài liệu hướng dẫn thi hành pháp luật.

Đối với tỉnh Cà Mau, người dân có thể tra cứu tại Cổng Thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Cà Mau: https://pbgdpl.camau.gov.vn và Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau: https://camau.gov.vn.

Bên cạnh việc đăng tải toàn văn văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan cần xây dựng các chuyên mục giới thiệu văn bản mới theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận đối với người sử dụng. Nội dung giới thiệu nên tập trung vào những điểm mới, chính sách nổi bật, đối tượng chịu tác động, thời điểm có hiệu lực, các quy định chuyển tiếp, đồng thời thể hiện dưới nhiều hình thức như bài viết tóm tắt, infographic, video

ngắn, podcast, đồ họa thông tin, bản tin pháp luật, hỏi – đáp nhanh hoặc các sản phẩm truyền thông đa phương tiện nhằm giúp người dân dễ hiểu, dễ nhớ và dễ áp dụng.

Để nâng cao hiệu quả khai thác, hệ thống văn bản cần được phân loại khoa học theo lĩnh vực, cơ quan ban hành, thời gian ban hành, tình trạng hiệu lực, từ khóa và nhóm đối tượng áp dụng; đồng thời tích hợp công cụ tìm kiếm thông minh, liên kết giữa các văn bản có liên quan, văn bản hợp nhất, văn bản hướng dẫn thi hành và các tài liệu giải thích chính sách. Việc ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), có thể hỗ trợ người dùng tìm kiếm nhanh, tóm tắt nội dung văn bản, gợi ý các quy định liên quan, giải đáp những câu hỏi pháp lý phổ biến và cá nhân hóa kết quả tra cứu theo nhu cầu của từng đối tượng.

Ngoài ra, để tăng tính tương tác và hiệu quả phổ biến pháp luật, các cơ quan, đơn vị nên kết hợp việc công bố văn bản trên cổng thông tin điện tử với việc chia sẻ trên các nền tảng mạng xã hội chính thức như Facebook, Zalo Official Account, YouTube, TikTok, ứng dụng di động và các nền tảng số khác. Việc kết nối đồng bộ giữa các kênh thông tin sẽ giúp các quy định pháp luật mới được lan tỏa nhanh chóng, tiếp cận đông đảo người dân và doanh nghiệp, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2.2. Hỏi đáp pháp luật

Hỏi đáp pháp luật là một trong những hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật có tính tương tác cao, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức được giải đáp kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Không chỉ cung cấp thông tin pháp luật, hình thức này còn giúp cơ quan nhà nước nắm bắt những vấn đề thực tiễn đang được xã hội quan tâm để kịp thời điều chỉnh nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động hỏi đáp pháp luật không còn giới hạn trên các chuyên mục của cổng hoặc trang thông tin điện tử mà được triển khai trên nhiều nền tảng số khác nhau như ứng dụng di động, mạng xã hội (Facebook, Zalo Official Account, YouTube, TikTok...), thư điện tử, hệ thống tiếp nhận phản ánh trực tuyến, chatbot, trợ lý ảo ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), tổng đài hỗ trợ và các nền tảng dịch vụ công trực tuyến. Việc đa dạng hóa các kênh tiếp nhận và trả lời câu hỏi giúp người dân có thể tiếp cận dịch vụ pháp lý một cách thuận tiện, nhanh chóng, mọi lúc, mọi nơi.

Nguồn hình thành nội dung hỏi đáp pháp luật rất đa dạng, bao gồm:

Các câu hỏi do người dân, doanh nghiệp gửi trực tiếp thông qua cổng thông tin điện tử, ứng dụng số, mạng xã hội hoặc các kênh tiếp nhận trực tuyến.

Những vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

Những quy định pháp luật mới ban hành được nhiều người quan tâm.

Các vụ việc, tình huống thực tiễn thường gặp trong đời sống xã hội, sản xuất, kinh doanh.

Những nội dung được tổng hợp từ các cuộc khảo sát nhu cầu thông tin pháp luật hoặc thống kê từ công cụ phân tích dữ liệu trên các nền tảng số.

Tùy theo tính chất của câu hỏi, nội dung trả lời có thể được xây dựng dưới nhiều hình thức khác nhau như hỏi – đáp trực tiếp, hỏi – đáp theo tình huống, infographic, video ngắn, podcast, clip hoạt họa, livestream hoặc các sản phẩm truyền thông đa phương tiện nhằm tăng tính trực quan và khả năng tiếp cận của người dân.

Đối với các câu hỏi mang tính khái quát, nội dung trả lời cần giải thích rõ khái niệm, quy định pháp luật và phạm vi áp dụng; đồng thời có thể minh họa bằng các ví dụ thực tế để người đọc dễ hiểu. Đối với các câu hỏi xuất phát từ tình huống cụ thể, cần phân tích đầy đủ các tình tiết pháp lý, xác định quyền, nghĩa vụ của các chủ thể, chỉ rõ căn cứ pháp lý điều chỉnh và hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Để bảo đảm chất lượng thông tin, mọi nội dung trả lời phải dựa trên các quy định pháp luật còn hiệu lực; viện dẫn đầy đủ tên văn bản, điều, khoản, điểm có liên quan; ngôn ngữ sử dụng phải chính xác, dễ hiểu, hạn chế thuật ngữ chuyên môn phức tạp. Đối với những nội dung chưa có quy định rõ hoặc còn có nhiều cách hiểu khác nhau, cần nêu rõ phạm vi áp dụng và hướng dẫn người dân liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được giải đáp chính thức.

Trong điều kiện chuyển đổi số, các cơ quan, đơn vị nên xây dựng cơ sở dữ liệu hỏi đáp pháp luật điện tử theo từng lĩnh vực như đất đai, hộ tịch, dân sự, doanh nghiệp, lao động, bảo hiểm, xử lý vi phạm hành chính, chuyển đổi số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng... Các câu hỏi được phân loại theo chủ đề, từ khóa, nhóm đối tượng và mức độ quan tâm để người sử dụng dễ dàng tra cứu. Hệ thống cũng cần tích hợp công cụ tìm kiếm thông minh, cho phép gợi ý câu hỏi liên quan và liên kết trực tiếp đến văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành hoặc các tài liệu giải thích chính sách.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động hỏi đáp pháp luật đang trở thành xu hướng tất yếu. AI có thể hỗ trợ tiếp nhận câu hỏi, tìm kiếm quy định pháp luật liên quan, tóm tắt nội dung văn bản, gợi ý câu trả lời hoặc hướng dẫn người dân đến đúng cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, đối với các vấn đề pháp lý phức tạp, có nhiều cách hiểu hoặc liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nội dung trả lời cần được chuyên gia pháp lý, báo cáo viên pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận trước khi công bố nhằm bảo đảm tính chính xác và giá trị pháp lý của thông tin.

Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, các câu hỏi được nhiều người quan tâm nên được tổng hợp thành chuyên mục "Câu hỏi thường gặp", thường xuyên cập nhật theo các chính sách pháp luật mới ban hành. Đồng thời, cần sử dụng các công cụ thống kê, phân tích dữ liệu để theo dõi số lượng câu hỏi, lĩnh vực được quan tâm nhiều nhất, mức độ tương tác của người dùng và hiệu quả tiếp cận thông tin. Đây là

cơ sở quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước đổi mới nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp trên môi trường số.

2.3. Xây dựng các chuyên mục chuyên sâu về pháp luật

Việc xây dựng các chuyên mục chuyên sâu về pháp luật trên môi trường số là một trong những hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật mang tính hệ thống, giúp cung cấp kiến thức pháp lý theo từng lĩnh vực, từng nhóm đối tượng và từng chuyên đề cụ thể. Không giống các bản tin pháp luật hoặc tin tức thời sự chỉ cung cấp thông tin ngắn gọn, các chuyên mục chuyên sâu tập trung phân tích, giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật vào thực tiễn, qua đó giúp người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức hiểu đúng, thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các chuyên mục chuyên sâu không chỉ được xây dựng trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước mà còn được triển khai trên các nền tảng số như website, ứng dụng di động, mạng xã hội (Facebook, Zalo Official Account, YouTube, TikTok...), podcast, thư viện số và các nền tảng học tập trực tuyến. Việc kết hợp nhiều nền tảng truyền thông giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật ngày càng đa dạng của người dân.

Các chuyên mục nên được xây dựng theo từng tiêu chí cụ thể nhằm tạo thuận lợi cho việc tra cứu và khai thác thông tin. Có thể phân chia theo các nhóm sau:

Theo lĩnh vực pháp luật, như: đất đai, nhà ở, đầu tư, doanh nghiệp, thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, hộ tịch, quốc tịch, hôn nhân và gia đình, dân sự, hình sự, xử lý vi phạm hành chính, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống bạo lực gia đình, trợ giúp pháp lý...

Theo nhóm đối tượng, như: cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; doanh nghiệp; hợp tác xã; thanh niên; học sinh, sinh viên; người lao động; phụ nữ; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số; người khuyết tật; ngư dân; người dân vùng sâu, vùng xa và các nhóm đối tượng đặc thù khác.

Theo chuyên đề hoặc sự kiện pháp lý, như: văn bản pháp luật mới ban hành; chính sách có hiệu lực theo từng tháng; Ngày Pháp luật Việt Nam (09/11); cải cách hành chính; chuyển đổi số; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; cải cách tư pháp; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; xây dựng chính quyền địa phương hai cấp; các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Nội dung của các chuyên mục cần được biên soạn theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, bám sát nhu cầu thực tiễn của người dân và doanh nghiệp. Ngoài việc giới thiệu quy định của pháp luật, cần tập trung phân tích những điểm mới của chính sách, giải thích các quy định còn khó hiểu, hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện, chỉ ra những sai sót thường gặp và khuyến nghị các giải pháp để hạn chế vi phạm pháp luật.

Đặc biệt, cần tăng cường xây dựng các chuyên mục "Pháp luật và cuộc sống", "Tình huống pháp lý", "Điểm mới chính sách", "Mỗi tuần một quy định pháp luật",

"Hỏi nhanh – Đáp gọn", "Phòng ngừa vi phạm pháp luật", "Chính sách mới có hiệu lực", "Góc tư vấn pháp luật", qua đó chuyển tải kiến thức pháp luật thông qua những vụ việc thực tế, câu chuyện pháp lý, tình huống giả định hoặc các vụ án điển hình đã được xét xử công khai. Đây là phương thức truyền thông trực quan, sinh động, giúp người xem dễ tiếp thu, dễ ghi nhớ và nâng cao khả năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn.

Để đáp ứng xu hướng tiếp nhận thông tin trên môi trường số, các chuyên mục cần đa dạng hóa hình thức thể hiện. Bên cạnh các bài viết truyền thống, cần tăng cường sử dụng infographic, motion graphic, video animation, video ngắn, podcast, sách nói (audio book), sơ đồ tư duy, bản đồ số, timeline, đồ họa tương tác, livestream, clip hỏi – đáp, phim ngắn tuyên truyền, bài giảng điện tử và các sản phẩm truyền thông đa phương tiện khác. Việc trình bày trực quan sẽ giúp nâng cao khả năng tiếp cận đối với nhiều nhóm đối tượng, đặc biệt là thanh thiếu niên và người sử dụng thiết bị di động.

Hiện nay, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra nhiều cơ hội đổi mới trong xây dựng các chuyên mục chuyên sâu về pháp luật. AI có thể hỗ trợ tổng hợp, phân loại và tóm tắt văn bản quy phạm pháp luật; chuyển đổi văn bản thành giọng nói hoặc video; tạo infographic; đề xuất nội dung phù hợp với từng nhóm người dùng; hỗ trợ dịch thuật sang tiếng dân tộc hoặc ngôn ngữ nước ngoài; đồng thời phân tích dữ liệu để xác định những chủ đề được người dân quan tâm nhiều nhất. Tuy nhiên, mọi nội dung do AI hỗ trợ tạo ra cần được cơ quan chuyên môn hoặc người có chuyên môn pháp lý kiểm tra, biên tập và thẩm định trước khi công bố nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh việc xây dựng nội dung, các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên cập nhật, bổ sung chuyên mục theo sự thay đổi của chính sách, pháp luật và nhu cầu thực tiễn. Đồng thời, cần tích hợp chức năng tìm kiếm thông minh, liên kết với các văn bản quy phạm pháp luật, cơ sở dữ liệu pháp luật, chuyên mục hỏi – đáp, dịch vụ công trực tuyến và các tài liệu hướng dẫn thi hành để người sử dụng có thể tra cứu đầy đủ thông tin chỉ trên một nền tảng.

Để đánh giá hiệu quả hoạt động của các chuyên mục, cần ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu số nhằm thống kê số lượt truy cập, thời gian đọc, lượt xem video, lượt tải tài liệu, mức độ tương tác, chia sẻ và phản hồi của người dùng. Trên cơ sở đó, cơ quan thực hiện có thể điều chỉnh nội dung, hình thức thể hiện và phương thức truyền thông phù hợp hơn với từng nhóm đối tượng, từng thời điểm và từng chính sách pháp luật mới ban hành, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số.

2.4. Cung cấp tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số

Cung cấp tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số là việc số hóa, xây dựng, quản lý và chia sẻ các sản phẩm, tài liệu tuyên truyền pháp luật thông qua các nền tảng số nhằm phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, tra cứu và tìm hiểu pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp. Đây là một trong những nội dung quan trọng của chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo

dục pháp luật, góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin pháp luật, giảm chi phí in ấn, phát hành, đồng thời giúp người sử dụng có thể tiếp cận tài liệu mọi lúc, mọi nơi thông qua máy tính, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị có kết nối Internet.

Khác với phương thức phát hành tài liệu truyền thống dưới dạng bản giấy, tài liệu PBGDPL trên môi trường số có thể được cập nhật nhanh chóng khi chính sách, pháp luật có sự thay đổi; đồng thời dễ dàng chia sẻ, sao lưu, tìm kiếm và khai thác trên nhiều nền tảng khác nhau. Đây cũng là giải pháp quan trọng để xây dựng kho học liệu số phục vụ lâu dài cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Các tài liệu được cung cấp trên môi trường số rất đa dạng, bao gồm:

Sách điện tử (E-book), cẩm nang pháp luật, sổ tay nghiệp vụ, tài liệu hướng dẫn thi hành pháp luật.

Tờ gấp điện tử, tờ rơi điện tử, bản tin pháp luật, infographic, poster, banner tuyên truyền.

Video tuyên truyền, video animation, motion graphic, clip ngắn, phim tài liệu, phóng sự, chương trình truyền hình về pháp luật.

Podcast, sách nói (audio book), chuyên mục phát thanh pháp luật.

Bài giảng điện tử (E-learning), bài trình chiếu, giáo trình điện tử, tài liệu tập huấn, khóa học trực tuyến.

Bộ câu hỏi trắc nghiệm, tình huống pháp luật, trò chơi tương tác, ngân hàng câu hỏi phục vụ học tập và tuyên truyền.

Bộ dữ liệu mở, tài liệu nghiên cứu, báo cáo chuyên đề, biểu mẫu, quy trình, hướng dẫn thủ tục hành chính.

Các sản phẩm truyền thông đa phương tiện khác phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Việc xây dựng tài liệu cần bảo đảm tính chính xác, khoa học, dễ hiểu và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Nội dung phải bám sát các quy định của pháp luật hiện hành, phản ánh đúng tinh thần của văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời được biên soạn theo hướng ngắn gọn, trực quan, dễ tiếp cận và có khả năng ứng dụng cao trong thực tiễn. Đối với các chính sách mới ban hành, cần ưu tiên xây dựng tài liệu dưới dạng tóm tắt chính sách, hỏi – đáp, infographic, video ngắn hoặc các sản phẩm truyền thông đa phương tiện để người dân dễ tiếp cận hơn so với việc chỉ đăng tải toàn văn văn bản.

Trong quá trình số hóa tài liệu, cần ưu tiên sử dụng các định dạng phổ biến, bảo đảm khả năng tương thích trên nhiều thiết bị và hệ điều hành như PDF, EPUB, HTML5, MP4, MP3, PPTX… hoặc tích hợp trực tiếp trên các cổng thông tin điện tử, nền tảng học tập trực tuyến và ứng dụng di động. Đối với video, podcast hoặc các sản phẩm đa phương tiện, cần tối ưu dung lượng, chất lượng hình ảnh, âm thanh và hỗ trợ phát trực tuyến, để người dùng có thể truy cập thuận tiện mà không cần tải toàn bộ tệp về thiết bị.

Các tài liệu cần được quản lý theo một hệ thống thống nhất, phân loại theo chủ đề, lĩnh vực pháp luật, cơ quan ban hành, nhóm đối tượng, thời gian cập nhật và từ khóa để thuận tiện cho việc tìm kiếm, khai thác và sử dụng. Đồng thời, cần tích hợp chức năng tìm kiếm thông minh, gợi ý tài liệu liên quan, liên kết với các văn bản quy phạm pháp luật, chuyên mục hỏi – đáp pháp luật, cơ sở dữ liệu pháp luật và các dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo thành hệ sinh thái học liệu số thống nhất phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Hiện nay, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng tài liệu PBGDPL đang trở thành xu hướng mới. AI có thể hỗ trợ tóm tắt văn bản pháp luật, chuyển đổi văn bản thành giọng nói (Text-to-Speech), tạo video thuyết minh, thiết kế infographic, dịch thuật, tạo phụ đề tự động, xây dựng bài giảng điện tử, cá nhân hóa nội dung theo từng nhóm đối tượng và hỗ trợ người dân tra cứu thông tin pháp luật nhanh chóng. Tuy nhiên, các sản phẩm do AI hỗ trợ tạo ra phải được cơ quan chuyên môn hoặc người có chuyên môn pháp lý rà soát, kiểm chứng trước khi công bố để bảo đảm tính chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc công bố tài liệu cần được thực hiện đồng thời trên nhiều nền tảng số như cổng thông tin điện tử, cổng PBGDPL, ứng dụng di động, thư viện số, nền tảng học tập trực tuyến, mạng xã hội chính thức (Facebook, Zalo Official Account, YouTube, TikTok...) nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận. Đối với những tài liệu có giá trị sử dụng lâu dài, nên xây dựng kho học liệu số về pháp luật để phục vụ việc tra cứu, học tập và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, giáo viên và người dân.

Bên cạnh việc bảo đảm chất lượng nội dung, cần chú trọng đến khả năng tiếp cận số đối với mọi đối tượng sử dụng, trong đó có người khuyết tật. Các tài liệu điện tử nên hỗ trợ đọc trên nhiều thiết bị, có chức năng phóng to văn bản, đọc bằng giọng nói, phụ đề cho video, mô tả hình ảnh và các tiện ích hỗ trợ khác nhằm bảo đảm mọi người đều có cơ hội tiếp cận thông tin pháp luật một cách bình đẳng.

Cuối cùng, việc quản lý, khai thác và chia sẻ tài liệu cần tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bản quyền, sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên cập nhật, rà soát, thay thế hoặc gỡ bỏ những tài liệu đã hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp; ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu để thống kê số lượt truy cập, lượt tải, thời gian sử dụng và mức độ tương tác của người dùng. Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu quả của từng loại tài liệu, từ đó tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức và phương thức cung cấp tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số theo hướng hiện đại, thuận tiện và lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

2.5. Tổ chức giao lưu, đối thoại trực tuyến về pháp luật

Giao lưu, đối thoại trực tuyến là hình thức PBGDPL có tính tương tác cao, cho phép cơ quan nhà nước kết nối trực tiếp với người dân, doanh nghiệp thông qua các nền tảng số như cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, hệ thống hội nghị trực tuyến, livestream hoặc các ứng dụng truyền thông số.

Thông qua các buổi đối thoại trực tuyến, cơ quan nhà nước có thể phổ biến các chính sách pháp luật mới, giải đáp những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, tiếp nhận ý kiến phản ánh và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước.

Để tổ chức hiệu quả, cần lựa chọn chủ đề sát với nhu cầu thực tiễn, chuẩn bị kỹ nội dung chuyên môn, xây dựng bộ câu hỏi dự kiến, bố trí đội ngũ chuyên gia, báo cáo viên pháp luật và cán bộ kỹ thuật để bảo đảm đường truyền ổn định, chất lượng hình ảnh, âm thanh tốt. Buổi giao lưu nên được ghi hình, lưu trữ và biên tập thành video, podcast hoặc chuyên mục hỏi - đáp để tiếp tục phục vụ công tác tuyên truyền trên các nền tảng số sau khi kết thúc chương trình.

3. Các công việc cần thực hiện để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số

Để công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên môi trường số đạt hiệu quả, các cơ quan, tổ chức cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ từ khâu xây dựng kế hoạch, phát triển nội dung, lựa chọn nền tảng truyền thông, tổ chức vận hành, đánh giá hiệu quả đến bảo đảm an toàn thông tin. Quá trình triển khai cần lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, lấy hiệu quả tiếp cận thông tin pháp luật làm mục tiêu và ứng dụng công nghệ số làm động lực để đổi mới phương thức tuyên truyền.

3.1. Xây dựng kế hoạch truyền thông pháp luật trên môi trường số

Việc xây dựng kế hoạch là bước đầu tiên và có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của hoạt động PBGDPL trên môi trường số. Kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu truyền thông, đối tượng tiếp cận, nội dung pháp luật trọng tâm, hình thức tuyên truyền, tiến độ thực hiện, nguồn lực, kinh phí và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

Nội dung tuyên truyền cần bám sát chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, các chính sách tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý đang được xã hội quan tâm.

Tùy theo mục tiêu và đối tượng, kế hoạch có thể triển khai theo các hình thức như tuyên truyền thường xuyên, tuyên truyền theo chuyên đề, tuyên truyền theo sự kiện, chiến dịch truyền thông hoặc theo từng nhóm đối tượng. Đồng thời, cần lồng ghép nội dung PBGDPL với các chương trình chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số.

3.2. Xây dựng nội dung số về pháp luật

Nội dung là yếu tố quyết định chất lượng và hiệu quả của hoạt động PBGDPL trên môi trường số. Nội dung cần bảo đảm chính xác, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng, phù hợp với từng nhóm đối tượng và bám sát các quy định của pháp luật hiện hành.

Bên cạnh các bài viết truyền thống, cần đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông số như:

- Tin, bài giới thiệu văn bản pháp luật mới.

- Infographic, đồ họa thông tin.

- Video ngắn, motion graphic, animation.

- Podcast, sách nói pháp luật.

- Livestream, tọa đàm trực tuyến.

- Tình huống pháp lý, hỏi – đáp pháp luật.

- Bộ câu hỏi trắc nghiệm.

- Bài giảng điện tử, tài liệu E-learning.

- Clip tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội.

Đối với các chính sách mới, nên tập trung truyền tải những điểm mới, nội dung tác động trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân và doanh nghiệp; hạn chế sao chép toàn văn quy định pháp luật mà cần chuyển hóa thành ngôn ngữ gần gũi, trực quan và dễ tiếp cận.

Hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ biên tập, tóm tắt văn bản, chuyển văn bản thành giọng nói, tạo phụ đề, xây dựng infographic hoặc video tự động. Tuy nhiên, mọi nội dung trước khi công bố phải được cơ quan chuyên môn hoặc người có chuyên môn pháp lý kiểm duyệt nhằm bảo đảm tính chính xác và thống nhất.

3.3. Lựa chọn và phát triển các nền tảng truyền thông số

Hoạt động PBGDPL cần được triển khai đồng thời trên nhiều nền tảng nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận và đáp ứng thói quen sử dụng Internet của người dân.

Các nền tảng có thể khai thác gồm:

- Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Cổng Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Cơ sở dữ liệu pháp luật.

- Ứng dụng trên thiết bị di động.

- Fanpage Facebook, Zalo Official Account.

- Kênh YouTube, TikTok và các nền tảng chia sẻ video.

- Podcast, thư viện số.

- Chatbot, trợ lý ảo và các nền tảng ứng dụng AI.

- Hệ thống thư điện tử, bản tin điện tử và tin nhắn.

Các nền tảng cần được thiết kế theo hướng thân thiện với người sử dụng, dễ tìm kiếm, dễ tra cứu, tương thích với nhiều thiết bị, đặc biệt là điện thoại thông minh. Đồng thời, cần tích hợp chức năng tìm kiếm thông minh, phản hồi trực tuyến, chia sẻ lên mạng xã hội, thống kê dữ liệu và liên kết với các cơ sở dữ liệu pháp luật hiện có.

3.4. Tăng cường truyền thông và mở rộng khả năng tiếp cận

Việc xây dựng nội dung chất lượng chỉ phát huy hiệu quả khi được truyền tải đến đúng đối tượng.

Do đó, các cơ quan cần chủ động quảng bá các sản phẩm PBGDPL thông qua hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Đồng thời, cần tận dụng các kỹ thuật truyền thông số như tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO), tối ưu hóa nội dung trên mạng xã hội (SMO), quảng bá đa nền tảng, sử dụng mã QR, liên kết dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và khai thác công cụ phân tích hành vi người dùng để nâng cao hiệu quả lan tỏa thông tin pháp luật.

Bên cạnh đó, cần xây dựng các chiến dịch truyền thông theo từng chủ đề, từng thời điểm hoặc theo các sự kiện chính trị, pháp lý quan trọng nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

3.5. Duy trì, cập nhật và đánh giá hiệu quả hoạt động

PBGDPL trên môi trường số là quá trình diễn ra thường xuyên, liên tục. Vì vậy, các cơ quan cần bố trí đội ngũ cán bộ có kiến thức pháp luật, kỹ năng truyền thông số và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; đồng thời xây dựng mạng lưới cộng tác viên, chuyên gia, báo cáo viên pháp luật và đội ngũ sản xuất nội dung số.

Các hệ thống thông tin cần được cập nhật thường xuyên để bảo đảm thông tin luôn chính xác, đầy đủ và kịp thời. Những văn bản hết hiệu lực, tài liệu lỗi thời hoặc thông tin không còn phù hợp phải được chỉnh sửa, thay thế hoặc gỡ bỏ ngay.

Việc đánh giá hiệu quả cần dựa trên các chỉ số định lượng và định tính như:

Số lượng bài viết, video, infographic được đăng tải.

Lượt truy cập, lượt xem, lượt tải tài liệu.

Mức độ tương tác (chia sẻ, bình luận, phản hồi).

Thời gian người dùng truy cập.

Số lượng câu hỏi được tiếp nhận và giải đáp.

Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Phạm vi lan tỏa trên các nền tảng số.

Thông qua các công cụ phân tích dữ liệu (Analytics), cơ quan thực hiện có thể đánh giá hiệu quả của từng sản phẩm truyền thông, xác định nhu cầu thông tin của người dân và điều chỉnh nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp.

3.6. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

An toàn thông tin là yêu cầu bắt buộc đối với mọi hoạt động PBGDPL trên môi trường số. Các hệ thống thông tin phục vụ công tác PBGDPL cần tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và lưu trữ dữ liệu điện tử.

Các cơ quan cần xây dựng quy trình quản trị, phân quyền người sử dụng, kiểm duyệt nội dung trước khi công bố; thường xuyên cập nhật các bản vá bảo mật, sao lưu dữ liệu định kỳ, kiểm tra an toàn hệ thống và có phương án ứng phó với các nguy cơ tấn công mạng, giả mạo website, phát tán thông tin sai lệch hoặc xâm nhập trái phép.

Đối với các nền tảng có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chatbot hoặc trợ lý ảo, cần thiết lập cơ chế giám sát, kiểm chứng và kiểm duyệt kết quả trước khi cung cấp cho người sử dụng nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh thông tin không chính xác hoặc trái với quy định của pháp luật.

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, cần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL; thường xuyên tập huấn về an toàn thông tin, kỹ năng quản trị nền tảng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kỹ năng xử lý sự cố an ninh mạng. Đây là yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm tính chính xác, an toàn và bền vững của hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay.